

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/DSST

Ngày: 23/7/2024

*V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Tha Mlô

2. Bà Trần Thị Loan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2023/TLST-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 40/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Buôn B, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Lắk

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đặng Văn A – Công ty Luật TNHH MTV C – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Địa chỉ: 132 đường D, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1982 và bà Kiều Thị E, sinh năm 1983. Điều vắng mặt

Địa chỉ: Buôn B, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và vợ chồng ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E là hàng xóm với nhau, vào ngày 26/6/2023 ông N có gọi điện cho bà nói là vợ chồng ông đang kẹt tiền để mua bán vật liệu xây dựng, nhờ bà chuyển khoản cho vợ chồng ông N vay 30.000.000 đồng và ông N hứa sau khi bà chuyển tiền qua tài khoản thì ngay trong ngày thì ông

N sẽ mang tiền mặt trả lại cho bà. Do tin tưởng chỗ hàng xóm với nhau nên bà đã chuyển tiền qua tài khoản cho ông N vay 30.000.000 đồng vào ngày 26/6/2023 (chuyển làm 02 lần, một lần 10.000.000 đồng và một lần 20.000.000 đồng). Hết ngày 26/6/2023, bà chờ mãi mà không thấy ông N trả tiền mặt hay chuyển khoản trả lại tiền cho bà như đã hứa. Bà gọi điện cho ông N thì ông N nói cho ông thêm vài ngày ông sẽ trả. Tuy nhiên, sau đó ông N vẫn không chịu trả nợ cho bà. Bà có làm đơn nhờ chính quyền địa phương can thiệp thì đến ngày 17/8/2023, bà E vợ của ông N trả được cho bà 10.000.000 đồng và hẹn 7 ngày sau sẽ trả hết cho bà (hai bên có làm giấy biên nhận). Nhưng từ đó đến nay, vợ chồng ông N, bà E vẫn cố tình chây ì không chịu trả nợ cho bà.

Do vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày quá hạn trả nợ cho đến khi khởi kiện là 03 tháng với số tiền lãi là 450.000 đồng tính theo mức lãi suất 9%/năm. Tổng cộng gốc và lãi là 20.450.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Trần Văn N trình bày:

Vào tháng 6/2023, tôi có vay của bà Trần Thị H số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất một ngày là 5 ngàn đồng trên một triệu đồng. Quá trình vay, ông đã trả được cho bà H 10.000.000 đồng tiền gốc. Nay tôi xác định còn nợ của bà H 20.000.000 đồng tiền gốc. Nay do điều kiện khó khăn nên tôi không có khả năng trả ngay nợ cho bà H nên tôi xin trả hết số nợ cho bà H vào ngày 06/10/2025.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Kiều Thị E cũng có lời khai thống nhất với chồng bà là ông Trần Văn N. Bà E xác định vợ chồng bà có vay của bà Trần Thị H số tiền 30.000.000 đồng và đã trả được cho bà H 10.000.000 đồng, nay còn nợ lại 20.000.000 đồng và xin hẹn đến ngày 06/10/2025 sẽ trả hết số nợ trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do phía bị đơn vợ chồng ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày quá hạn trả nợ cho đến khi khởi kiện là 03 tháng với số tiền lãi là 450.000 đồng tính theo mức lãi suất 9%/năm. Tổng cộng gốc và lãi là 20.450.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự. Xét thấy phía nguyên đơn có đủ căn cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị H số nợ gốc vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 450.000 đồng, tổng cộng là 20.450.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E phải trả số tiền nợ vay là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện M nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E phải trả số tiền vay 20.000.000 đồng và tiền lãi là 450.000 đồng thì nhận thấy như sau:

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là 01 giấy biên nhận đề ngày 17/8/2023 cũng như lời thừa nhận của nguyên đơn bà H và bị đơn ông N, bà E thì đã có cơ sở xác định:

Vào tháng 6/2023, ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E có vay của bà Trần Thị H số tiền 30.000.000 đồng với hình thức chuyển qua tài khoản. Quá trình vay đến ngày 17/8/2023 thì ông N, bà E có trả được cho bà H 10.000.000 đồng.

Phía bị đơn ông N, bà E xác định còn nợ lại của bà H 20.000.000 đồng tiền gốc theo như nội dung khởi kiện của bà H. Nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên ông N, bà E xin trả vào tháng 10/2025. Tuy nhiên, bà H không đồng ý với phương án trả nợ nói trên.

Do ông N, bà E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong giấy biên nhận nợ đề ngày 17/8/2023 là sẽ trả hết nợ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày viết giấy biên nhận. Do đó, căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc.

Về yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn: Ngoài số nợ gốc, thì bà H còn yêu cầu ông N, bà E phải trả tiền lãi kể từ ngày quá hạn trả nợ cho đến khi khởi kiện là 03 tháng với số tiền lãi là 450.000 đồng tính theo mức lãi suất 9%/năm thì thấy: Phía ông N cho rằng vay với lãi suất một ngày là 5.000 đồng trên một triệu đồng. Tuy nhiên, ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho mức lãi

suất nói trên và cũng không được bà H thừa nhận cho nên ý kiến của ông N không có căn cứ để xem xét. Còn trong giấy biên nhận ngày 17/8/2023 không có ghi cụ thể mức lãi suất. Như vậy, cần xác định đây là trường hợp vay không có tính lãi.

Nay bà H yêu cầu ông N, bà E phải trả tiền lãi kể từ ngày quá hạn trả nợ cho đến khi khởi kiện là 03 tháng với số tiền lãi là 450.000 đồng tính theo mức lãi suất 9%/năm thì xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, cần buộc ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H 20.000.000 đồng nợ gốc và 450.000 đồng tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là **20.450.000 đồng**.

Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số nợ phải trả cho bà Trần Thị H, cụ thể bà ông N và bà E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

$$20.450.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.022.500 \text{ đồng.}$$

Nguyên đơn bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Buộc ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E phải trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ là 20.450.000 đồng (*Hai mươi triệu, bốn trăm, năm mươi ngàn đồng*). Trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 450.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Trần Văn N và bà Kiều Thị E phải chịu 1.022.500 đồng (*một triệu, không trăm, hai mươi hai ngàn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị H 511.000 đồng (*Năm trăm mười một ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2021/0014723 ngày 06/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh

